TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 26/11/2018
Về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Hưu Bình và ông Vương Minh Tân.

- *Thư ký phiên to*à: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Nông Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018, về việc "Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm 1, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh Lê Hải D**,** sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lê Hải D trước đây là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh D có với nhau 01 con chung, tên là Lê Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng không được hoà thuận nên chị và anh D đã quyết định ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2016/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã giao con chung là cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 cho anh Lê Hải D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung

vì khi ly hôn chị ra đi trắng tay, không có công ăn việc làm. Sau khi ly hôn, chị T có xin được việc làm, có thu nhập ổn định (chị hiện đang làm việc tại Công ty Viettel, thu nhập hơn 10 triệu/tháng). Bên cạnh đó hiện tại chị đang ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ ở xóm 12, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang. Còn cháu Đ ở với anh D, anh D đã đi lấy vợ khác mặc dù hiện tại đã ly hôn nhưng không thường xuyên quan tâm đến cháu, không cho cháu đi học đầy đủ, không nộp tiền học cho con. Do vậy, chị đã có đơn đề nghị được thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn đối với anh D, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ mà không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lê Hải D có trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T trước đây là vợ chồng nhưng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên đã ly hôn vào năm 2016. Theo Quyết định ly hôn, con chung là cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 ở với anh, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nay chị T có đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, anh không nhất trí giao con là cháu Lê Hải Đ cho chị T nuôi, với lý do khi cháu Đ còn nhỏ, chị T không nuôi, bây giờ cháu Đ lớn chị T lại đòi nuôi con, nên anh không nhất trí.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã gửi và tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh D để anh D đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh D đều vắng mặt. Do vậy Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện:

Anh Lê Hải D và cháu Lê Hải Đ hiện có hộ khẩu thường trú trong sổ hộ khẩu của ông bà Lê Xuân Đ và Phùng Thị L (bố mẹ anh D) tại tổ 1, phường T, thành phố T. Tuy có tên trong sổ hộ khẩu của ông Đ, bà L nhưng cháu Đ và anh D đang sinh sống trên ngôi nhà cấp 4 đã xuống cấp cạnh xưởng gỗ xây dựng trên đất 5% của Nhà nước do anh Q (anh trai anh D) làm chủ. Bố mẹ anh D tuy có khẩu riêng nhưng lại ở cùng con trai là anh Q, bố anh D thì bị tai biến nhẹ, mẹ anh D bị bệnh phổi thường xuyên phải đi viện, gia đình anh D có anh trai cả và chị dâu đang phải chấp hành án phạt tù, ông Đ và bà L đã bán hết nhà cửa và sang sinh sống cùng con trai là anh Q. Hộ gia đình ông Đ, bà L có 6 khẩu nhưng hiện đều sinh sống phụ thuộc vào anh Q, gia đình thuộc hộ cận nghèo tại địa phương. Anh Q hiện có vợ và 2 con, phải nuôi bố mẹ, cháu Lê Hải Đ và con của anh trai chị dâu bị đi tù, nên điều kiện cũng rất khó khăn.

Về phần anh Lê Hải D không có công ăn việc làm ổn định, mặc dù anh Q đã tạo điều kiện cho làm ở xưởng gỗ nhưng không tu chí làm ăn, thưởng xuyên rượu chè, không quan tâm đến cháu Đ. Đầu năm học mới, cháu Đ không được đến trường, còn phải ở nhà khoảng một tháng vì lý do không đóng tiền học. Sau đó thì mới thấy cháu Đ đi học cùng bạn bè. Theo bố mẹ anh D thì việc nuôi con nên để cho chị T trực tiếp nuôi sẽ thuận lợi hơn cho cháu Đ.

Còn về phía chị Nguyễn Thị T, chị T hiện đang có hộ khẩu và sinh sống cùng với bố mẹ là ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị P tại xóm 1, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Bố mẹ chị T có 03 người con gái, con gái cả đã đi lấy chồng ở phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, con gái thứ là chị T, con gái thứ 3 đang đi học đại học ở Hà Nội. Chị T sau khi ly hôn với anh Lê Hải D thì về chung sống với bố mẹ và chưa đăng ký kết hôn với ai. Chị T hiện đang làm cộng tác viên của Công ty Viettel Tuyên Quang, thu nhập hàng tháng trên 10 triệu đồng. Tại địa phương gia đình chị T thuộc diện khá giả, có nhà đất (nhà 2 tầng), vườn tược rộng rãi, bố mẹ chị T hiện còn trẻ, có khả năng phụ giúp chị T trong việc chăm nom con.

Tại đơn xin xác nhận của nhà trường, nơi cháu Lê Hải Đ đang học tập thể hiện: Cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 hiện đang học lớp 1B Trường tiểu học Trường Thành. Từ đầu năm học 2018-2019 đến nay, chị T là người trực tiếp đóng tiền học và các khoản tiền khác cho cháu.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hải Đ, không yêu cầu anh Lê Hải D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Th□ ký Toà án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên toà đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn không chấp hành theo quy định.

Về nội dung vụ án: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2016/QĐST-HNGĐ, ngày 27/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang thể hiện chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hải D thuận tình ly hôn, giao con chung là cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, dù anh D là người trực tiếp được giao nuôi con chung, nhưng anh D không quan tâm chăm sóc gì đến con chung, không cho cháu đi học, không có việc làm và nơi ở ổn định để nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T và giao cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập xem xét. Anh Lê Hải D phải chịu áp phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị T và anh Lê Hải D đã thỏa thuận giao con chung cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 cho anh Lê Hải D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D và cháu Đ hiện đang có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy, quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" và vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 17/2016/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã giao con chung là cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 cho anh Lê Hải D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn anh D không quan tâm chăm sóc con chung, cháu Đ không đi học gần một tháng, anh D không có chỗ ở ổn định, không có việc làm, sống phụ thuộc vào gia đình, gia đình anh D lại gặp nhiều khó khăn, thuộc diện cận nghèo ở địa phương. Chị Nguyễn Thị T hiện đang làm cộng tác viên của Công ty Viettel, thu nhập hàng tháng trên 10.000.000 đồng, chị T đang ở cùng bố mẹ có nơi cư trú ổn định. Bên cạnh đó, việc đóng học và đóng các khoản tiền khác đều do chị T đóng cho cháu Đ. Vì vậy, có cơ sở xác định nghề nghiệp, thu nhập của chị T cao hơn anh D, chị T có nơi ở ổn định và có đủ điều kiện nuôi con tốt hơn anh D.

Tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con.

Tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn: Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con;

b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Do hiện tại anh Lê Hải D không có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con phải nhờ vào anh trai làm trụ cột trong gia đình, gia đình anh D hiện đang gặp khó khăn, bố mẹ già cả thường xuyên ốm đau, gia đình thuộc diện cận nghèo ở địa phương. Việc chị Nguyễn Thị T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là để đảm bảo mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên

cần được chấp nhận, giao cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn.

[3]. Về cấp dưỡng: Do hiện tại chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không buộc anh Lê Hải D phải cấp dưỡng nuuoi con chung.

[4]. Về án phí: Anh Lê Hải D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Giao con chung là Lê Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Anh Lê Hải D có trách nhiệm giao con chung là Lê Hải Đ, sinh ngày 19/7/2012 cho chị Nguyễn Thị T kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Anh Lê Hải D không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại chị T không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Quyết định này thay thế cho phần quyết định về con chung của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 17/2016/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về án phí: Anh Lê Hải D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí, trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000018 ngày 01/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Nguyễn Thị T có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Hải D vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- CC THA DS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Lý Thúy Hà - Phạm Kim Tuyết	**Tạ Hồng Chiến**